

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

LÊ NGỌC HUYỀN

**VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA  
CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI  
VỐN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Luật kinh tế

*Mã số* : 60 38 01 07

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2015**

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Vũ Thị Hồng Vân

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

**Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ,  
họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015

**Có thể tìm hiểu luận văn tại  
Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC CÔNG TY VÀ PHÁP LUẬT CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI VỐN</b>	7
1.1. Khái quát chung về công ty đối nhân và công ty đối vốn	7
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại công ty	7
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của công ty đối nhân và công ty đối vốn	9
1.1.3. Hình thức của công ty đối nhân và công ty đối vốn	11
1.1.4. Chế độ trách nhiệm của công ty đối nhân, công ty đối vốn	13
1.2. Khái luận về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	15
1.2.1. Khái niệm	15
1.2.2. Căn cứ chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	17
1.2.3. Các trường hợp chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	19
1.2.4. Hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	21
1.3. Pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	24
1.3.1. Khái niệm và đặc điểm	24
1.3.2. Nội dung của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	26
1.3.3. Vị trí, vai trò của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	28
1.3.4. Lược sử phát triển của pháp luật Việt Nam về vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	29

<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI VỐN</b>	36
2.1. Các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	36
2.1.1. Một số quy định chung về hình thức công ty và chuyển đổi hình thức công ty	36
2.1.2. Những quy định cụ thể trong Luật Doanh nghiệp 2014 liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	39
2.2. Một số bất cập, hạn chế của pháp luật hiện hành liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế	49
2.2.1. Một số bất cập, hạn chế của pháp luật hiện hành liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	50
2.2.2. Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế	59
<b>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI VỐN</b>	65
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật	65
3.1.1. Một số định hướng hoàn thiện pháp luật	65
3.1.2. Một số giải pháp cụ thể, bổ sung quy định của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn	71
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quy định của pháp luật	81
3.2.1. Giải pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật	81
3.2.2. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thuộc công tác đăng ký doanh nghiệp	82
3.2.3. Tập hợp, hệ thống hóa lại quy định pháp luật	83
3.2.4. Cần tăng cường hoạt động giải thích luật, kiến tạo án lệ	84
3.2.5. Tòa án cần có giải pháp giải quyết tranh chấp linh hoạt hơn	87
3.2.6. Cần rút gọn thời gian giải quyết yêu cầu đăng ký doanh nghiệp và đăng ký chuyển đổi hình thức công ty	88
<b>KẾT LUẬN</b>	89
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	91

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Công ty là một thực thể kinh doanh phổ biến trong xã hội và là hạt nhân chính thúc đẩy nền kinh tế. Có thể thấy, một công ty nổi tiếng có thể đồng thời mang hình ảnh và uy tín của nó cũng như quốc gia đó ra khắp thế giới. Đứng trước nhu cầu hội nhập và phát triển kinh tế, xã hội, mỗi quốc gia đều khuyến khích việc thành lập công ty, ghi nhận đa dạng các loại hình công ty để đáp ứng nhu cầu, khả năng hoạt động của công ty và các thành viên trong công ty cũng như tạo điều kiện cho công ty kịp thời thích ứng với những thay đổi của nền kinh tế.

Tại Việt Nam, luật lệ về công ty lần đầu tiên được quy định là trong "Bộ Dân luật thi hành tại các tòa Nam án Bắc Kỳ", trong đó tiết thứ 5 (Chương IX) nói về hội buôn được chia thành hai loại là hội người và hội vốn. Trong đó hội vốn được chia thành hai loại là hội vô danh (Công ty cổ phần) và hội hợp cổ (Công ty hợp vốn đơn giản). Dưới thời kì Pháp thuộc, các quy định của Bộ luật Thương mại (BLTM) Pháp năm 1807, trong đó có quy định về các loại hình công ty, được áp dụng ở cả ba kỳ tại Việt Nam. Đến năm 1942, chính quyền Bảo Đại ban hành BLTM Trung phần có hiệu lực từ 25/1/1944 áp dụng tại Trung Kỳ, đã phân loại công ty thành các công ty đối nhân {bao gồm công ty đồng danh, công ty cấp vốn đơn giản và công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH)} và các công ty đối vốn (bao gồm công ty vô danh và công ty cấp vốn cổ phần). BLTM 1942 cũng có quy định về việc chuyển đổi hình thức công ty, gọi là "sự cải hóa" công ty. Bấy giờ, hậu quả của sự cải hóa công ty đã được hiểu một cách sâu sắc là tiêu hủy bộ máy cũ và thay thế bằng bộ máy mới, tức là chấm dứt sự sinh hoạt của công ty cũ.

Như vậy, ngay từ khi được xây dựng, các quy định của pháp luật về công ty đã hết sức quan tâm tới việc phân loại công ty dựa vào tính chất đối nhân và đối vốn của công ty, qua đó đa dạng hóa các loại hình công ty, đồng thời theo thời gian, các quy định pháp luật dần được bổ sung, hoàn thiện, và

hình thành những quy định cho phép các công ty có thể chuyển đổi hình thức cho phù hợp với thực tế xã hội và điều kiện kinh tế. Chuyển đổi hình thức công ty được hiểu là một trong những phương thức để tổ chức lại công ty bảo đảm cho sự phát triển của công ty đáp ứng được các mục tiêu của nhà đầu tư, yêu cầu của thị trường, cũng như yêu cầu của pháp luật.

Cho đến nay, Luật Doanh nghiệp 2014 hiện hành vẫn kế thừa những quy định đối với việc chuyển đổi hình thức công ty trong những trường hợp như công ty không còn đáp ứng được điều kiện về hình thức của công ty, hay công ty có nhu cầu chuyển đổi sang hình thức khác để phù hợp hơn với cách thức hoạt động cũng như xu thế chung của nền kinh tế. Tuy nhiên với sự biến đổi không ngừng của đời sống kinh tế, xã hội, cũng như những quan điểm về công ty và chuyển đổi hình thức công ty của các nhà làm luật hiện nay còn chưa đúng đắn và đầy đủ, dẫn tới các quy định của Luật Doanh nghiệp nói chung và quy định về chuyển đổi hình thức công ty nói riêng đã dần bộc lộ không ít những hạn chế. Một trong những hạn chế đó là Luật Doanh nghiệp hiện hành chưa quy định đầy đủ các trường hợp chuyển đổi hình thức công ty, và cụ thể hơn là chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

Về bản chất, việc chuyển đổi hình thức công ty là sự sửa đổi các thỏa thuận ban đầu của các thành viên sáng lập nên công ty, và nền tảng của việc chuyển đổi hình thức công ty nói chung chính là quyền tự do kinh doanh. Tuy nhiên Luật Doanh nghiệp 2014 chưa quy định đầy đủ các trường hợp chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng.

Thực tiễn xảy ra trường hợp một công ty hợp danh (công ty đối nhân) không còn đảm bảo được các điều kiện về hình thức, hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần (công ty đối vốn) khác để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, song pháp luật chưa có quy định cho trường hợp chuyển đổi này, gây khó khăn cho công ty trong việc hoạt động. Như vậy, Luật Doanh nghiệp chưa đảm bảo được quyền tự do thay đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và

công ty đổi vốn nói riêng, hay nói một cách khác là hạn chế quyền tự do kinh doanh của các nhà đầu tư.

Do vậy nghiên cứu về việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn để chỉ ra những vấn đề pháp lý của việc chuyển đổi và hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn là vấn đề thiết thực có tính ứng dụng cao cả về mặt thực tiễn và lý luận. Đó là lý do mà tôi lựa chọn đề tài: "***Vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn theo pháp luật Việt Nam***" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Vấn đề pháp lý về chuyển đổi hình thức công ty tuy được nghiên cứu từ lâu song vẫn luôn là vấn đề được tranh luận và nghiên cứu. Đến nay, nếu không tính các sách chuyên khảo, đã có những công trình khoa học có liên quan tới vấn đề này, tiêu biểu nhất là luận án Tiến sĩ: "*Chuyển đổi hình thức công ty theo pháp luật Việt Nam*" của Hoàng Anh Tuấn (2012). Luận án đã phân tích cơ sở lý luận pháp luật về chuyển đổi hình thức công ty ở Việt Nam, phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về chuyển đổi hình thức công ty, cũng như tìm ra các bất cập cụ thể cần sửa đổi và kiến nghị những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về việc chuyển đổi hình thức công ty. Ngoài ra đã có một số bài viết, bài báo khoa học có nội dung liên quan tới việc chuyển đổi hình thức công ty nói chung hay chuyển đổi hình thức giữa các loại hình công ty cụ thể, tuy nhiên chưa có công trình nào phân tích sâu về chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và đổi vốn. Do đó luận văn này có tính mới chưa bị trùng lặp với những công trình khác.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

### **\* Mục đích**

Là một vấn đề còn khá mới mẻ song có tính thực tiễn rất cao, nên việc nghiên cứu luận văn nhằm các mục đích sau đây:

Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về công ty đổi nhân, công ty đổi vốn và những vấn đề pháp lý cụ thể liên quan tới việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn;

Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành về việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn;

Chỉ ra những bất cập, tồn tại của quy định pháp luật hiện hành về việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn, qua đó đóng góp những kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật...

### **\* Nhiệm vụ**

Để đảm bảo được các mục đích nêu trên, luận văn sẽ tập trung vào các nhiệm vụ sau:

Phân tích khái niệm, đặc điểm của công ty đổi nhân, công ty đổi vốn và pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn;

Làm rõ các vấn đề lý luận liên quan việc tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn;

Lược sử pháp luật của Việt Nam về vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn;

Phân tích rõ thực trạng pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện hành liên quan tới vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn, qua đó chỉ ra bất cập, tồn tại và những nguyên nhân của các bất cập, tồn tại đó;

Đưa ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện hành liên quan tới vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn, đồng thời luận văn có nhiệm vụ nêu ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quy định về chuyển đổi hình thức giữa công ty đổi nhân và công ty đổi vốn.

## **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài**

### **\* Đối tượng nghiên cứu**

Pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện hành liệt kê các loại hình công ty cụ thể, đồng thời, đối với vấn đề chuyển đổi hình thức công ty, pháp luật chỉ đưa ra các quy định cho việc chuyển đổi từ hình thức công ty này sang hình thức công ty khác. Như vậy, Luật Doanh nghiệp Việt Nam phân loại công ty dựa trên hình thức pháp lý của công ty mà chưa xem xét phân loại công ty dưới góc độ công ty đổi nhân và công ty đổi

vốn, cũng như chưa đưa ra được các quy định mang tính khái quát chung thể hiện được các vấn đề pháp lý của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn. Luận văn này sẽ tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan tới việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn

#### **\* Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý liên quan tới mục đích và nhiệm vụ của đề tài. Luận văn sẽ không đi sâu vào các yếu tố kinh tế và tác động xã hội của đề tài.

Trên thực tế, với những mục đích và lĩnh vực hoạt động khác nhau, sẽ tồn tại các loại công ty khác nhau như công ty thương mại (hay còn gọi là công ty kinh doanh) và công ty dân sự. Thuật ngữ công ty đề cập trong luận văn chỉ bao gồm công ty thương mại.

Ngoài ra, luận văn có đề cập tới pháp luật doanh nghiệp Việt Nam từ trước năm 1990 đến nay, song dừng lại ở mức độ lược sử pháp luật. Luận văn sẽ tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp 2014).

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài**

Đối với phương pháp luận, luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật cũng như sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Đối với hoạt động nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp sau:

Phương pháp lịch sử: Nghiên cứu các quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam từ trước giai đoạn 1990 đến nay;

Phương pháp so sánh: Sử dụng trong Chương 2 khi so sánh các quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam qua các thời kì. Phương pháp so sánh cũng được sử dụng trong Chương 1 khi đề cập tới một số vấn đề lý luận có liên quan tới đối tượng nghiên cứu của đề tài;

Phương pháp phân tích, quy nạp, diễn giải được sử dụng xuyên suốt trong toàn bộ luận văn để làm rõ những vấn đề được đưa ra;

Ngoài ra luận văn còn sử dụng một số phương pháp khác như phương pháp giả định, phương pháp tình huống...

#### **6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận chung về chuyển đổi hình thức công ty và pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

*Chương 2:* Thực trạng pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

*Chương 3:* Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi quy định về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

### **Chương 1**

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC CÔNG TY VÀ PHÁP LUẬT CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI VỐN**

### **1.1. Khái quát chung về công ty**

#### **1.1.1. Khái niệm, đặc điểm công ty**

Công ty có thể hiểu theo nhiều nghĩa nếu xét dưới các góc độ khác nhau. Dưới góc độ kinh tế, công ty có thể được hiểu là các tổ chức chuyên thực hiện các hoạt động thương nghiệp, dịch vụ. Dưới góc độ pháp lý, công ty được hiểu là sự liên kết của nhiều người để tiến hành một công việc gì đó vì mục đích kiếm lời.

Các nhà Luật gia tại Đức hay Pháp đều quan niệm rằng công ty là một hợp đồng (sự liên kết) giữa các thành viên theo đó các thành viên cùng nhau góp vốn, cùng nhau hoạt động chung, cùng kiếm lời để chia nhau và cùng nhau chịu lỗ. Tại Việt Nam, đến nay chưa có văn bản luật nào đưa ra một khái niệm chung nhất về công ty. Tuy nhiên từ Luật Công

ty 1990, đến Luật Doanh nghiệp 1999, 2005 và 2014, đều có quy định công ty là một loại hình doanh nghiệp, hay một chủ thể kinh doanh, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về doanh nghiệp.

Bằng việc tổng hợp các quan niệm nêu trên về công ty, có thể hiểu rằng *Công ty là một thực thể kinh doanh, được tạo lập nên bởi ý chí của một hoặc các thành viên trong công ty thông qua hợp đồng thành lập công ty, khai thác tài sản của công ty được hình thành từ vốn góp của các thành viên công ty nhằm mục tiêu lợi nhuận hay mục đích thương mại.*

Như vậy công ty có những đặc điểm sau đây:

*Thứ nhất*, công ty được tạo lập bởi ý chí và sự liên kết giữa các cá nhân hay tổ chức là thành viên của công ty, và sự liên kết này thể hiện ở hình thức bên ngoài là một tổ chức;

*Thứ hai*, ý chí tạo lập, hay sự liên kết giữa các thành viên được thực hiện thông qua một sự kiện pháp lý;

*Thứ ba*, các thành viên sáng lập sẽ bỏ ra một số tài sản của mình để góp vào công ty và cùng nhau khai thác khối tài sản hình thành từ vốn góp đó.

*Thứ tư*, mục đích của việc thành lập công ty là để kinh doanh có lợi nhuận (mục đích kiếm lời).

Với đa dạng các loại hình công ty như hiện nay, sự phân loại công ty là điều hết sức cần thiết và quan trọng. Sự phân loại rất đa dạng theo tính liên kết, chế độ trách nhiệm của các thành viên hay ý chí của các nhà lập pháp. Tuy nhiên dưới góc độ pháp lý, người ta chia công ty thành hai nhóm cơ bản là công ty đối nhân và công ty đối vốn. Đây cũng là cách phân loại theo truyền thống Civil Law.

### **1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của công ty đối nhân, công ty đối vốn**

Công ty đối nhân là loại hình công ty có mặt sớm nhất trong lịch sử phát triển của nền kinh tế. công ty đối nhân là những công ty mà sự liên kết dựa trên sự tin cậy của các thành viên về nhân thân, sự góp vốn chỉ là thứ yếu. Một đặc điểm quan trọng của công ty đối nhân là việc tài sản của các thành viên công ty và tài sản của công ty không có sự tách biệt. Các thành viên, hoặc ít nhất một thành viên của công ty phải chịu trách nhiệm vô hạn

về các khoản nợ của công ty. Các thành viên có tư cách thương gia độc lập và phải chịu thuế thu nhập cá nhân, bản thân công ty không bị đánh thuế..

Khác với công ty đối nhân, các công ty đối vốn chỉ có các thành viên góp vốn (được gọi chung là thành viên công ty), và công ty đối vốn không quan tâm tới tư cách cá nhân (nhân thân) của các thành viên trong công ty, mà chỉ quan tâm tới phần vốn góp của thành viên vào công ty. Ngoài ra, công ty đối vốn có một số đặc điểm như: Công ty là pháp nhân có tài sản tách biệt với tài sản của các thành viên trong công ty; Khi liên kết, các thành viên không quan tâm đến tư cách cá nhân thành viên công ty mà chỉ quan tâm đến phần vốn góp mà họ góp vào công ty; Thành viên của công ty dễ dàng thay đổi, người không hiểu biết về kinh doanh cũng có thể tham gia vào công ty.

### **1.1.3. Hình thức của công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Các công ty đối nhân thường tồn tại dưới hai hình thức cơ bản là công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản.

Các công ty đối vốn có hai loại là công ty cổ phần và công ty TNHH. Công ty TNHH cũng được chia thành hai loại là công ty TNHH một thành viên và công ty TNHH từ hai thành viên trở lên.

### **1.1.4. Chế độ trách nhiệm của công ty đối nhân, công ty đối vốn**

Chế độ trách nhiệm của công ty được hiểu là trách nhiệm thanh toán nợ của các thành viên trong công ty đối với các khoản nợ của công ty đó. Đồng thời chế độ trách nhiệm của công ty cũng thể hiện được giới hạn quyền đòi nợ của chủ nợ công ty.

Hình thức và chế độ trách nhiệm của công ty có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Khi nhắc tới một hình thức công ty cụ thể ta dễ dàng xác định được chế độ trách nhiệm của công ty đó. Và theo đó công ty đối nhân được xem là có chế độ trách nhiệm vô hạn và công ty đối vốn được xem là có chế độ TNHH. Việc làm rõ chế độ trách nhiệm của công ty có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc nghiên cứu những vấn đề pháp lý liên quan đến công ty, trong đó có vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

## **1.2. Khái luận về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

### **1.2.1. Khái niệm**

Chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có thể hiểu là việc chuyển đổi các yếu tố căn bản để tạo lập nên công ty đối nhân sang các yếu tố căn bản tạo lập nên công ty đối vốn và ngược lại.

Việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng có vai trò cũng như ý nghĩa rất quan trọng đối với lợi ích kinh tế, pháp lý cũng như đời sống văn hóa xã hội, cụ thể:

*Thứ nhất*, việc chuyển đổi đã tạo ra một công ty mới có hình thức pháp lý đúng theo nguyện vọng của nhà đầu tư, phù hợp với tình hình và khả năng thực tế của công ty, đồng thời công ty mới được kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ của công ty cũ do đó hoạt động kinh doanh được thuận lợi và liên tục.

*Thứ hai*, xét về lợi ích kinh tế, việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn vừa tiết kiệm thời gian, tiền bạc cho công ty; công ty mới đương nhiên được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của công ty cũ do đó công ty có thể đảm bảo hoạt động bình thường ngay sau khi được chuyển đổi.

*Thứ ba*, về mặt pháp lý, việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn đảm bảo cho công ty chuyển đổi trở thành chủ sở hữu tài sản kế thừa một cách đương nhiên, an toàn, và dễ dàng

*Thứ tư*, về mặt xã hội, và chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng vừa đáp ứng được nguyện vọng của các nhà đầu tư (nguyện vọng lựa chọn một hình thức công ty phù hợp; vừa có ý nghĩa kinh tế cho bản thân công ty, đồng thời không triệt tiêu nghĩa vụ của công ty và đảm bảo được quyền lợi cho các bên liên quan, qua đó không ảnh hưởng tới lợi ích chung cho xã hội

### **1.2.2. Căn cứ chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Một công ty có thể chuyển đổi hình thức dựa trên ý chí, hay sự tự nguyện của mình. Tuy nhiên không phải mọi trường hợp công ty tự

nguyện chuyển đổi hình thức thì việc chuyển đổi đều có thể đạt được, cũng như không phải mọi trường hợp công ty đối nhân chuyển đổi thành công ty đối vốn (và ngược lại) dựa trên sự tự nguyện của công ty. Các nhà làm luật đã dự liệu những trường hợp việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn không thể đạt được, đồng thời đặt ra những trường hợp công ty cần chuyển đổi hình thức khi không còn đảm bảo được những yếu tố kết cấu nên hình thức công ty hiện tại. Như vậy, việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có thể dựa trên sự tự nguyện của công ty hoặc dựa trên cơ sở pháp luật.

Chuyển đổi hình thức công ty do tự nguyện thực chất là sửa đổi các thỏa thuận ban đầu của các thành viên sáng lập nên công ty, hay sửa đổi ý chí đơn phương tạo lập nên công ty. Mỗi công ty ban đầu khi thành lập đều phải xác định rõ hình thức công ty, lĩnh vực kinh doanh, vốn điều lệ... Trong quá trình hoạt động, bản thân công ty tự thấy mình không còn phù hợp với hình thức công ty hiện tại, có thể thực hiện chuyển đổi hình thức công ty. Trên thực tế, đại đa số các trường hợp chuyển đổi hình thức công ty nói chung đều dựa trên sự tự nguyện của công ty đó.

Có thể nói, nền tảng của việc chuyển đổi hình thức công ty nói chung, chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng, chính là quyền tự do kinh doanh. Với nội dung quyền tự do kinh doanh, chuyển đổi hình thức công ty mang lại cho chủ thể một phương tiện mới, hay một phương thức tổ chức kinh doanh mới phù hợp với quy mô, khả năng tài chính và mục tiêu của chủ thể. Do đó, pháp luật luôn ghi nhận và đảm bảo quyền tự do thay đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng.

Tuy nhiên không phải trong mọi trường hợp, việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn đều dựa trên sự lựa chọn của công ty đó. Khi có những yếu tố pháp lý xảy ra khách quan với ý chí của công ty, khiến công ty không thể tiếp tục duy trì hình thức hiện tại thì buộc công ty cần tiến hành chuyển đổi sang một hình thức khác. Luật pháp thường dự đoán trước những yếu tố có thể xảy ra để đặt ra những

quy định cho việc chuyển đổi hình thức công ty. Đó là căn cứ pháp luật của việc chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng.

### **1.2.3. Các trường hợp chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Trường hợp thứ nhất, là chuyển đổi hình thức từ công ty đối vốn sang công ty đối nhân. Việc chuyển đổi hình thức này đã mở rộng tối đa trách nhiệm của các thành viên trong công ty đối với các khoản nợ của công ty. Do đó, quyền lợi của các chủ nợ của công ty không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên việc chuyển đổi cần có sự nhất trí của tất cả các thành viên trong công ty, bởi sau khi chuyển đổi, trách nhiệm của các thành viên theo đó sẽ thay đổi, từ việc chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp của mình, các thành viên sẽ phải chịu trách nhiệm vô hạn định về các khoản nợ của công ty nếu thành viên đó lựa chọn chuyển thành thành viên nhận vốn.

Trường hợp thứ nhất, là chuyển đổi hình thức từ công ty đối nhân sang công ty đối vốn. Trường hợp chuyển đổi hình thức từ công ty đối nhân sang công ty đối vốn có nhiều điểm phức tạp và khó khăn hơn. Trước hết, trách nhiệm của các thành viên công ty đối với các khoản nợ của công ty bị thu hẹp lại kể từ khi việc chuyển đổi công ty hoàn tất. Do đó, đối với các khoản nợ phát sinh trước khi công ty được chuyển đổi có khả năng không được thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, và do đó quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ của công ty bị ảnh hưởng một cách trực tiếp. Ngoài ra, kể từ khi công ty hoàn tất chuyển đổi, công ty chỉ chịu chế độ TNHH, dẫn tới khả năng mất đi nhiều đối tác vốn yên tâm hợp tác kinh doanh do công ty có chế độ chịu trách nhiệm vô hạn.

### **1.2.4. Hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn vừa mang những điểm tương đồng với hậu quả pháp lý chuyển đổi hình thức công ty nói chung, vừa có những nét riêng so với các loại chuyển đổi hình thức công ty khác, cụ thể:

*Thứ nhất*, việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn chấm dứt sự tồn tại của công ty trước khi chuyển đổi và hình thành công ty mới;

*Thứ hai*, việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn tác động tới người thứ ba;

*Thứ ba*, thay đổi chế độ pháp lý liên quan tới cơ chế tổ chức quản lý công ty, mối liên hệ giữa các thành viên trong công ty, chế độ tài chính, cũng như chế độ trách nhiệm của công ty trước và sau khi chuyển đổi, Đây là đặc điểm đặc trưng của hoạt động chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn so với các loại chuyển đổi hình thức công ty khác.

## **1.3. Pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

### **1.3.1. Khái niệm và đặc điểm**

Pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn là hệ thống các quy định về cơ sở, điều kiện, trình tự thủ tục... cho việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, nhằm đảm bảo cho việc chuyển đổi hình thức công ty được thống nhất, không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công ty cũng như của các chủ thể khác có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, từ khái niệm trên có thể thấy pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có những đặc điểm sau đây:

*Thứ nhất*, đây là một bộ phận của pháp luật về tổ chức lại doanh nghiệp;

*Thứ hai*, các quy định đó chỉ áp dụng cho trường hợp chuyển đổi giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn (chuyển đổi từ công ty đối nhân sang công ty đối vốn và ngược lại);

*Thứ ba*, pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn được xây dựng trên cơ sở: (1) hoặc có sự tự nguyện của công ty muốn chuyển đổi; hoặc (2) do công ty không còn đáp ứng được các yếu tố cấu thành nên hình thức ban đầu và buộc phải chuyển đổi sang hình thức khác;

*Thứ tư*, pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn áp dụng trên chỉ một chủ thể xác định



### **1.3.2. Nội dung của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Là một bộ phận của pháp luật về chuyển đổi hình thức công ty nói chung, nên pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói bao gồm các nội dung tương tự như nội dung của pháp luật về chuyển đổi hình thức công ty nói chung, bao gồm:

*Thứ nhất*, pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn quy định căn cứ cho việc chuyển đổi;

*Thứ hai*, pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn quy định về điều kiện cho việc chuyển đổi.

*Thứ ba*, pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn quy định về các trường hợp chuyển đổi và trình tự, thủ tục cho việc chuyển đổi;

Ngoài ra, do pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn chỉ áp dụng đối với một chủ thể (công ty) xác định, và sau khi chuyển đổi công ty lại có những thay đổi cơ bản *chế độ trách nhiệm của công ty* (từ chế độ TNHH sang chế độ trách nhiệm vô hạn và ngược lại) và *thành viên công ty* (các yếu tố về nhân thân như số lượng thành viên, quan hệ giữa các thành viên; yếu tố về vốn như vốn góp, bán, chuyển nhượng vốn góp, quy mô, tính chất hoạt động...) nên khi nghiên cứu pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, chúng ta cần xem xét chung cả những quy định pháp luật liên quan tới chế độ trách nhiệm của công ty và thành viên của công ty trước và sau khi chuyển đổi.

### **1.3.3. Vị trí, vai trò của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có những vai trò sau đây:

*Thứ nhất*, pháp luật công nhận và bảo vệ quyền tự do kinh doanh của thương nhân, trong đó có hoạt động chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng.

*Thứ hai*, pháp luật quy định trình tự, thủ tục cho việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và đối vốn, một mặt tạo ra sự thống nhất trong hoạt động chuyển đổi đối với các công ty muốn chuyển đổi

*Thứ ba*, pháp luật đặt ra các điều kiện để có thể chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, không chỉ đảm bảo cho công ty có thể nhanh chóng tiếp tục hoạt động dưới một hình thức phù hợp và hợp pháp, mà còn đảm bảo được quyền và lợi ích của bên thứ ba liên quan tới hoạt động chuyển đổi

*Thứ tư*, pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn làm phong phú thêm các quy định của pháp luật đối với hoạt động tổ chức lại doanh nghiệp nói chung, đồng thời là tiền đề, cơ sở cho việc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động chuyển đổi.

### **1.3.4. Lược sử phát triển của pháp luật Việt Nam về vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

Trong thời kì phong kiến, nền thương mại Việt Nam còn nghèo nàn, kém phát triển nên pháp luật về thương mại hầu như chưa được biết đến. Chỉ đến năm 1942, triều đình Huế mới ban hành BLTM Trung phần. Bộ luật này có nội dung cơ bản giống với BLTM của Pháp và có hiệu lực thi hành tại Trung bộ từ ngày 25/1/1944. Là văn bản quy phạm pháp luật về thương mại đầu tiên của nước ta, BLTM 1942 đã quy định tương đối đầy đủ các vấn đề liên quan tới hoạt động thương mại và trong đó có các quy định liên quan tới công ty, hình thức công ty và việc chuyển đổi hình thức công ty.

BLTM 1942 đã phân loại công ty thành công ty đối nhân và công ty đối vốn. Công ty đối nhân bao gồm: Công ty đồng danh (tương tự như công ty hợp danh), công ty cấp vốn đơn giản (tương tự như công ty hợp vốn đơn giản), và công ty TNHH. Công ty đối vốn bao gồm: công ty vô danh (tương tự như công ty cổ phần) và công ty cấp vốn cổ phần. BLTM 1942 cũng có quy định về việc chuyển đổi hình thức công ty, gọi là "sự cải hóa" công ty.

Năm 1990 Luật Công ty được ban hành, đánh dấu một bước phát triển mới cho nền kinh tế nước ta. Luật Công ty 1990 mở ra hai hình thức công ty mà các nhà đầu tư Việt Nam có thể lựa chọn là công ty cổ phần và công ty TNHH. Cùng với việc đưa ra các quy định chung về công ty, các quy định về thành lập, đăng kí kinh doanh, giải thể, phá sản công ty..., Luật Công ty 1990 cũng có các quy định riêng cho mỗi loại hình công ty và tuy không có quy định trực tiếp song luật vẫn có quy định liên

quan tới việc chuyển đổi hình thức công ty. Tuy vậy Luật Công ty chỉ quy định hai loại hình công ty là công ty cổ phần và công ty TNHH. Điều đó phản ánh nền kinh tế Việt Nam giai đoạn này còn chưa phát triển, hoạt động thương mại vẫn chỉ giới hạn trong phạm vi từng địa phương hoặc trong nước mà chưa có giao lưu quốc tế, do đó việc thành lập doanh nghiệp cũng như các loại hình doanh nghiệp còn rất hạn chế.

Từ năm 1999 đến năm 2005, Luật Doanh nghiệp 1999 rồi đến Luật Doanh nghiệp 2005 được ban hành đã quy định đa dạng hơn các loại hình doanh nghiệp cũng như việc chuyển đổi hình thức công ty. Tuy nhiên các quy định về chuyển đổi hình thức công ty vẫn còn đơn giản và chưa thực sự đầy đủ các trường hợp cho việc chuyển đổi, đặc biệt là chuyển đổi giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

Ngày 26/11/2014, tại kì họp thứ 8 của Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Doanh nghiệp 2014. Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 và thay thế cho Luật Doanh nghiệp 2005. Các quy định về chuyển đổi hình thức công ty trong Luật Doanh nghiệp 2014 đã chi tiết hơn và đa dạng hơn so với Luật Doanh nghiệp 2005. Đặc biệt Luật Doanh nghiệp 2014 cho phép chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân sang công ty TNHH hai thành viên trở lên, ghi nhận việc một doanh nghiệp có chế độ trách nhiệm vô hạn có thể chuyển đổi sang doanh nghiệp có chế độ TNHH.

## *Chương 2*

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI VỐN**

#### **2.1. Các quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện hành về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

##### ***2.1.1. Một số quy định chung về hình thức công ty và chuyển đổi hình thức công ty***

Đối với các quy định về hình thức công ty, Luật Doanh nghiệp 2014 tiếp tục kế thừa các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, theo đó liệt

kê bốn loại hình công ty là: Công ty hợp danh, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần. Đồng thời, các loại hình công ty theo Luật Doanh nghiệp đều có tư cách pháp nhân.

Với từng loại hình công ty và đặc điểm được quy định trong luật, ta có phân loại công ty thành hai nhóm là công ty đối nhân: chỉ ghi nhận công ty hợp danh; và công ty đối vốn: bao gồm công ty cổ phần và công ty TNHH.

Đối với quy định về chuyển đổi hình thức công ty nói chung, Luật Doanh nghiệp 2014 đã đưa ra các trường hợp chuyển đổi hình thức công ty từ Điều 196 đến Điều 199, bao gồm:

- Chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần (Điều 196);
- Chuyển đổi từ công ty cổ phần sang công ty TNHH một thành viên (Điều 197);
- Chuyển đổi từ công ty cổ phần sang công ty TNHH hai thành viên trở lên (Điều 198);
- Chuyển đổi từ doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH (Điều 199).

Ngoài ra, Luật Doanh nghiệp 2014 ghi nhận trường hợp chuyển đổi giữa công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty TNHH một thành viên (Khoản 3 Điều 53 và Khoản 3 Điều 87)

Các quy định về trường hợp chuyển đổi hình thức công ty trong Luật Doanh nghiệp 2014 đều bao gồm các nội dung cơ bản: (1) các phương thức chuyển đổi; (2) thủ tục đăng kí chuyển đổi; (3) hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi và (4) việc công bố thông tin chuyển đổi. Ngoài ra, tại một số điều luật cụ thể có quy định căn cứ để công ty tiến hành chuyển đổi hình thức.

##### ***2.1.2. Những quy định cụ thể trong Luật Doanh nghiệp 2014 liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn***

Việc chuyển đổi hình thức công ty nói chung xét về bản chất là việc thay đổi hợp đồng thành lập công ty hay điều lệ của công ty liên quan tới cơ cấu tổ chức quản lý công ty, mối liên hệ giữa các thành viên trong công ty, chế độ tài chính, cũng như chế độ trách nhiệm về tài sản của công ty và của các thành viên, bởi lẽ công ty là hợp đồng thể hiện

tự do ý chí, tự do lập hội, tự do kinh doanh của các thành viên, và hợp đồng này tạo ra hình thức công ty cụ thể. Như vậy, việc chuyển đổi hình thức công ty sẽ dẫn tới sự thay đổi về chế độ pháp lý của công ty liên quan tới một hoặc một số những nội dung nêu trên. Đặc biệt, đối với trường hợp chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, chế độ pháp lý liên quan tới cơ cấu tổ chức quản lý công ty, mối liên hệ giữa các thành viên trong công ty, chế độ tài chính, cũng như chế độ trách nhiệm của công ty trước và sau khi chuyển đổi đều có sự thay đổi tương ứng.

Khi nghiên cứu về pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, cần nghiên cứu các quy định về căn cứ, điều kiện, phương thức, thủ tục và hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi. Về hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi, thì sự thay đổi chế độ pháp lý liên quan tới cơ chế tổ chức quản lý công ty, mối liên hệ giữa các thành viên trong công ty, chế độ tài chính, cũng như chế độ trách nhiệm của công ty trước và sau khi chuyển đổi là nội dung cơ bản và quan trọng nhất

Có thể thấy Luật Doanh nghiệp 2014 chưa có quy định về căn cứ, điều kiện chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn. Luật Doanh nghiệp cũng đã quy định các trường hợp chuyển đổi công ty nhưng chưa quy định trực tiếp việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn. Mặc dù vậy, những quy định hiện hành về các trường hợp chuyển đổi hình thức công ty lại thể hiện được một hoặc một số nội dung cơ bản của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, đặc biệt là về hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi, và luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, bao gồm:

*Thứ nhất*, các quy định về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn dẫn đến sự thay đổi về yếu tố thành viên và cơ cấu tổ chức quản lý của công ty;

*Thứ hai*, các quy định về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn dẫn đến sự thay đổi về chế độ tài chính của công ty;

*Thứ ba*, các quy định về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn dẫn đến sự thay đổi về chế độ trách nhiệm của công ty. Với việc cho phép doanh nghiệp tư nhân được chuyển đổi sang công ty TNHH, Luật Doanh nghiệp 2014 đã thừa nhận sự chuyển đổi hình thức từ tổ chức kinh doanh có chế độ trách nhiệm vô hạn sang tổ chức kinh doanh có chế độ TNHH và việc chuyển đổi dựa trên sự lựa chọn của chính tổ chức kinh doanh đó.

Như vậy, Luật Doanh nghiệp 2014 đã thừa nhận sự chuyển đổi hình thức giữa các công ty có tính chất đối nhân và đối vốn, cũng như cho phép việc chuyển đổi giữa một tổ chức kinh doanh có chế độ trách nhiệm vô hạn sang tổ chức kinh doanh có chế độ TNHH.

## **2.2. Một số bất cập, hạn chế của pháp luật hiện hành liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế**

Với những thay đổi mang tính tích cực so với Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 đã tạo ra hành lang pháp lý thông thoáng, thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư trong việc chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những thay đổi tích cực thì các quy định liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn vẫn nhiều những điểm bất cập và hạn chế.

### **2.2.1. Một số bất cập, hạn chế của pháp luật hiện hành liên quan tới chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

*Thứ nhất*, Luật Doanh nghiệp không cho phép công ty hợp danh được chuyển đổi sang công ty TNHH hoặc công ty cổ phần;

*Thứ hai*, Luật Doanh nghiệp không cho phép công ty TNHH hoặc công ty cổ phần được chuyển đổi sang công ty hợp danh;

*Thứ ba*, Luật Doanh nghiệp chưa quy định cụ thể các căn cứ để chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn;

*Thứ tư*, Luật Doanh nghiệp chưa đưa ra các quy định đầy đủ về điều kiện để chuyển đổi từ công ty đối nhân sang công ty đối vốn.

### **2.2.2. Nguyên nhân của những bất cập**

Những bất cập của pháp luật liên quan tới việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có thể xuất phát từ những nguyên nhân sau đây:

*Thứ nhất*, pháp luật về công ty tại Việt Nam về công ty cũng như chuyển đổi hình thức công ty hiện nay chưa phát triển hoàn thiện;

*Thứ hai*, quan niệm về căn cứ chuyển đổi hình thức công ty nói chung chưa được làm rõ trong các văn bản pháp luật;

*Thứ ba*, thực tiễn Tòa án giải quyết các tranh chấp về chuyển đổi hình thức công ty chưa nhiều, và tranh chấp chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có thể nói là chưa có

*Thứ tư*, các nhà làm luật chưa dự liệu hết các yếu tố tác động của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn có thể xâm phạm tới quyền và lợi ích của các bên thứ ba, do đó chưa đặt ra các điều kiện chuyển đổi cụ thể

Với thực trạng pháp luật hiện hành cùng những phân tích về hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập liên quan tới việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, thì yêu cầu cần có những biện pháp sớm hoàn thiện các quy định của pháp luật về vấn đề này ngày càng trở nên cấp thiết và quan trọng hơn.

## **Chương 3**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC GIỮA CÔNG TY ĐỐI NHÂN VÀ CÔNG TY ĐỐI VỐN**

#### **3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật**

##### **3.1.1. Một số định hướng hoàn thiện pháp luật**

*Trước hết*, cần xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn trên cơ sở tuân theo các nguyên tắc xây dựng văn bản pháp luật;

*Thứ hai*, hoàn thiện các quy định pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn cần thực hiện đồng thời với việc hoàn thiện pháp luật về công ty

*Thứ ba*, hoàn thiện quy định pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn gắn với pháp luật về hợp đồng

##### **3.1.2. Một số giải pháp cụ thể, bổ sung quy định của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn**

*Thứ nhất*, cần sửa đổi quy định về hình thức công ty hợp danh hiện nay trong Luật Doanh nghiệp, theo hướng tách công ty hợp danh thành công ty hợp danh đơn thuần (chỉ có thành viên hợp danh) và công ty hợp vốn đơn giản (có ít nhất 01 thành viên hợp danh và có thành viên góp vốn)

*Thứ hai*, bổ sung và tập trung những quy định về căn cứ chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng, theo đó Luật cần quy định rõ hai căn cứ chuyển đổi là chuyển đổi dựa trên sự lựa chọn của công ty và chuyển đổi theo căn cứ do luật quy định;

*Thứ ba*, bổ sung quy định về điều kiện chuyển đổi hình thức công ty nói chung và chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn nói riêng, bởi lẽ điều kiện chuyển đổi hình thức công ty cũng là nội dung cần thiết, đảm bảo quyền lợi cho các bên thứ ba, cũng như tạo điều kiện cho công ty được chuyển đổi một cách nhanh chóng, kịp thời và an toàn.

*Thứ tư*, cho phép chuyển đổi giữa các loại hình công ty đối nhân và công ty đối vốn. Cùng với việc xác định lại hình thức cho công ty hợp danh và quy định thêm hình thức công ty hợp vốn đơn giản, thì có thể có các trường hợp chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn như sau:

- + Chuyển đổi từ công ty hợp danh sang công ty TNHH hoặc công ty cổ phần
- + Chuyển đổi từ công ty hợp vốn đơn giản sang công ty TNHH hoặc công ty cổ phần
- + Chuyển đổi từ công ty TNHH hoặc công ty cổ phần sang công ty hợp danh

+ Chuyển đổi từ công ty TNHH hoặc công ty cổ phần sang công ty hợp vốn đơn giản

*Thứ năm*, bổ sung thêm quy định hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu và công ty chuyển đổi vô hiệu

### **3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quy định của pháp luật**

Song song với việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, cần đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các quy định đó trên thực tế, bao gồm:

*Thứ nhất*, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật một cách rộng rãi;

*Thứ hai*, cần đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thuộc công tác đăng ký doanh nghiệp;

*Thứ ba*, cần tập hợp, hệ thống hóa lại quy định pháp luật, tạo điều kiện cho việc tra cứu pháp luật và áp dụng pháp luật được nhanh chóng và chính xác;

*Thứ tư*, cần tăng cường hoạt động giải thích luật, kiến tạo án lệ;

*Thứ năm*, Tòa án cần có giải pháp giải quyết tranh chấp linh hoạt và linh động hơn;

*Thứ sáu*, cần rút gọn thời gian giải quyết yêu cầu đăng ký doanh nghiệp và đăng ký chuyển đổi hình thức công ty.

## **KẾT LUẬN**

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang ngày một phát triển mạnh mẽ, thì việc thành lập mới các doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty có ý nghĩa hết sức quan trọng. Công ty là nhân tố mũi nhọn thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của một quốc gia, cũng như là nền tảng duy trì bền vững cho nền kinh tế quốc dân.

Được thành lập bởi ý chí của một hay nhiều thành viên, công ty trở thành công cụ, phương tiện giúp cho các thành viên tham gia vào quan hệ

kinh doanh một cách hợp pháp và tối đa hóa các lợi ích mà các thành viên đạt được. Pháp luật luôn bảo vệ quyền thành lập các công ty mới, cũng như đảm bảo quyền tự định đoạt của công ty trong việc lựa chọn hình thức tổ chức cũng như chuyển đổi hình thức tổ chức phù hợp với nhu cầu, khả năng và quy mô hoạt động.

Pháp luật hiện nay ghi nhận đa dạng các loại hình công ty cũng như cho phép nhiều loại hình công ty có thể chuyển đổi hình thức sang loại hình công ty khác. Tuy nhiên pháp luật về doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay vẫn chưa thực sự hoàn thiện và còn bộc lộ những điểm hạn chế, bất cập nhất định, từ việc quy định hình thức cho các công ty đối nhân và công ty đối vốn, đến việc chưa cho phép các công ty đối nhân và đối vốn có thể tự do chuyển đổi hình thức lẫn nhau.

Với việc nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm của công ty đối nhân, công ty đối vốn; pháp luật chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, cùng với những tác động, hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, luận văn đã đưa ra cái nhìn tổng quát nhất về vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn; phân tích được quy định của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và chỉ ra những bất cập, hạn chế và nguyên nhân của bất cập, hạn chế của pháp luật về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn, qua đó đóng góp một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện hơn pháp luật doanh nghiệp hiện hành liên quan tới tới vấn đề chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn.

Với kết quả nghiên cứu sâu sắc các vấn đề về chuyển đổi hình thức giữa công ty đối nhân và công ty đối vốn theo pháp luật doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam, luận văn cũng mong muốn trở thành một tài liệu tham khảo cho các đối tượng nghiên cứu và góp phần hoàn thiện hơn pháp luật doanh nghiệp nói chung tại Việt Nam.